

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-PT

Ngày 17 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 146/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Hồng Q và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2019/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lê Hồng Q, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P (đã chết) và con bà Kim Thị S, sinh năm 1935; có vợ là Lương Thị T (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2005). Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2012/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm. Ngày 30/3/2015 Q chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019 được tại ngoại. (có mặt).

2. Họ và tên: Bùi Thị N, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi

Văn B và con bà Nguyễn Thị K (đều đã chết); có chồng Lê Hồng L, sinh năm 1967 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2006). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019 được tại ngoại. (có mặt).

3. Họ và tên: Đỗ Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C (đã chết) và con bà Lê Thị K, sinh năm 1957; có vợ Lê Thị H, sinh năm 1993 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019 được tại ngoại. (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 14/8/2019, Bùi Thị N đang ở nhà tại thôn L, xã B, huyện V thì lần lượt có Đỗ Văn T và Nguyễn Văn V đến chơi. Sau đó N, Toàn và V rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi bài sâm ăn tiền, rồi cùng nhau đi lên phòng ngủ tầng 2 nhà N để đánh bạc. N lấy 01 vỏ chăn màu đỏ trải ra giường kê trong phòng ngủ và lấy 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 Q có sẵn ở nhà để xuống giường rồi cùng Toàn, V ngồi đánh bạc với nhau. Trong lúc N, Toàn và V đang đánh bạc thì có Lê Hồng Q đến nhà N chơi và ngồi xuống giường cùng tham gia đánh bạc. Sau đó có thêm Lê Văn C, Đỗ Văn B cũng đến nhà N chơi và đi vào phòng nơi mọi người đánh bạc. Lúc này, N nghỉ không tham gia đánh bạc nữa nên C vào thay vị trí của N tham gia đánh bạc cùng Toàn, V, Q còn Bộ và N ngồi xem mọi người đánh bạc. Khi Q, Toàn, V và C cùng nhau đánh bạc ăn tiền đến 12 giờ 40 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện V bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ bao gồm: Thu tại chiếu bạc 01 vỏ chăn màu đỏ; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 Q và số tiền 6.200.000đ trên chiếu bạc. Kiểm tra thu giữ trên người Bùi Thị N số tiền 3.180.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng; Lê Hồng Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 vỏ màu ghi trắng, Đỗ Văn T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 vỏ màu ghi, Lê Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen, Nguyễn Văn V số tiền 400.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo X9 màu hồng và Đỗ Văn B số tiền 800.000đ.

Quá trình điều tra đã xác định, tổng số tiền các bị cáo Q, N, T và đồng phạm sử dụng vào việc thực hiện tội phạm là 9.780.000đ. Trong đó khi tham gia đánh bạc Bùi Thị N có 2.880.000đ, thắng được số tiền 300.000đ, toàn bộ tiền cất trong người; Đỗ Văn T có 1.700.000đ đang thua 300.000đ toàn bộ tiền để dưới chiếu bạc; Lê Văn C có 1.700.000đ và để tiền tại chiếu bạc; Lê Hồng Q có 1.800.000đ và để tiền tại chiếu bạc; Nguyễn Văn V có 1.700.000đ, V hòa tiền, V cất số tiền 400.000đ trên người, còn lại số tiền 1.300.000đ để dưới chiếu bạc.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2019/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 01 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo khác; quyết định hình phạt bổ sung, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019 các bị cáo Lê Hồng Q và Bùi Thị N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 07/11/2019 bị cáo Đỗ Văn T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị N, Đỗ Văn T sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thẩm các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đồng phạm khác trong vụ án đã bị Tòa án đưa ra xét xử về thời gian, địa điểm, hình thức thực hiện tội phạm cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 00 phút đến 12 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2019, xuất phát từ mục đích tư lợi các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N, Đỗ Văn T và đồng phạm thực hiện hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi sâm tại nhà Bùi Thị N ở thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc thì bị phát hiện, bắt giữ. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N, Đỗ Văn T và đồng phạm sử dụng vào việc thực hiện tội phạm là 9.780.000đ, trong đó bị cáo Lê Hồng Q sử dụng 1.800.000đ; bị cáo Bùi Thị N sử dụng 2.880.000đ; bị cáo Đỗ Văn T sử dụng 1.700.000đ vào việc thực hiện tội phạm.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N, Đỗ Văn T tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Hồng Q; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo tham gia với vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm và sử dụng số tiền 1.800.000đ vào việc thực hiện tội phạm; Về nhân thân vào ngày 14/3/2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm, nay lại phạm tội cùng loại. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong bản, đã được xóa án nên không coi là có tiền án nhưng qua đó thể hiện ý thức tu dưỡng, rèn luyện và thái độ chấp

hành pháp luật của bị cáo không cao. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân và vai trò vị trí của bị cáo trong vụ án để xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 01 năm 01 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do bị cáo thực hiện. Xét thấy việc đánh bạc ăn tiền ngoài việc xâm phạm trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và cung cấp thêm tài liệu là đơn xác nhận thể hiện gia đình có hoàn cảnh neo đơn, tuy nhiên bị cáo trước đây phạm tội “Đánh bạc” đã được cho hưởng án treo không chịu tu dưỡng, rèn luyện nay lại phạm tội cùng loại, đối chiếu với quy định của pháp luật thấy bị cáo không có điều kiện hưởng án treo. Do vậy yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét về kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T; Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo Bùi Thị N là chủ nhà đã đồng ý cho các đồng phạm đánh bạc, là người chuẩn bị công cụ sử dụng vào việc thực hiện tội phạm và trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng khi có C đến thì bị cáo nghĩ không tham gia nữa. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, căn cứ vai trò vị trí của từng bị cáo trong vụ án và nhân thân của bị cáo để xử phạt các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T mỗi bị cáo 11 tháng tù về tội “Đánh bạc” là hoàn toàn tương xứng, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ mới: Cụ thể: Bị cáo Bùi Thị N xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện chồng và bố chồng là người có công với Nhà nước; bị cáo Đỗ Văn T cũng cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện bố đẻ ông Đỗ Văn Cầu có công với Nhà nước đã được Q đội khen thưởng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng đối với các bị cáo để Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét về yêu cầu kháng cáo. Xét thấy trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình giải quyết vụ án luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tính chất sát phạt nhau không lớn; các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên việc cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và không ảnh hưởng tới việc

đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Do vậy yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Hồng Q và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị N, Đỗ Văn T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Hồng Q phải chịu án phí; Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Hồng Q và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị N, Đỗ Văn T; sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Bùi Thị N, Đỗ Văn T.

Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng Q, Bùi Thị N và Đỗ Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 01 năm 01 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 23/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Thị N 11 (mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (một) năm 10 (mười) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 11 (mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 10 (mười) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T cho UBND xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Vĩnh Phúc theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Hồng Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Thị N và Đỗ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện V;
- THA huyện V;
- UBND B, V, Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Văn phòng, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Sơn